TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST Ngày 27-8-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Văn Kiên
2. Bà Cao Thị Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vuán ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 16, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt*

2. Bị đơn: Anh Trương Sơn N, sinh năm 1984; Thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-12-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Sơn N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban Nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 13-5-2015). Thời gian đầu chị và anh Trương Sơn N chung sống hạnh phúc, đến 02 năm sau khi kết hôn chị và

anh Trương Sơn N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, anh N thiếu trách nhiệm không quan tâm đến gia đình và con cái, đến năm 2017 anh N bỏ đi cho đến nay không có liên lạc gì về cho chị, chị đã cố gắng liên lạc với anh để động viên anh Trương Sơn N trở về nhưng không được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Trương Sơn N không còn yêu thương, quý trọng và chăm sóc nhau nên chị xin ly hôn anh Trương Sơn N.

Về nuôi con chung: Chị và anh Trương Sơn N có 01 con chung là cháu Trương Nguyễn Anh T, sinh ngày 03-6-2015, hiện cháu T đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Trương Nguyễn Anh T, về cấp dưỡng nuôi con tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh N phải cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng, tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị D khai sau khi chị và anh N cưới nhau về chung sống tại nhà trọ đường Chu Mạnh Trinh, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thỉnh thoảng chị và anh N cũng có đôi lần về tại nhà mẹ đẻ của anh N ở thôn Pleiku Roh, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian này anh N không chịu lo làm ăn, không có trách nhiệm chăm sóc con cái và gia đình, đến cuối năm 2016 chị và anh N ly thân cho đến nay không còn liên lạc với nhau.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Trương Sơn N và có nguyện vọng được nuôi cháu Trương Nguyễn Anh T, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trương Sơn N đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa.

Biên bản xác minh ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại thôn Pleiku Roh, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện: Anh Trương Sơn N có cư trú tại nhà bà Nguyễn Thị S mẹ đẻ của anh N ở thôn Pleiku Roh, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh N làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, thỉnh thoảng mới về nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh N, chị D thì địa phương không nắm được, nhưng hiện nay chị D đã chuyển đi nơi khác không còn sinh sống tại nhà anh N nữa.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng và không có lời khai, bản khai gửi đến Tòa án, nên bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trương Sơn N.

Về con chung: Giao cháu Trương Nguyễn Anh T, sinh ngày 03-6-2015 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh Trương Sơn N, có nơi cư trú tại thôn Pleiku Roh, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do đó, thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Sơn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Trương Sơn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 13-5-2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Trương Sơn N là hợp pháp. Thời gian đầu chị D và anh Trương Sơn N chung sống hạnh phúc, đến hai năm sau chị và anh Trương Sơn N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, anh N thiếu trách nhiệm, không quan tâm đến gia đình, con cái và chị và anh N đã ly

thân từ cuối năm 2016, đến năm 2017 anh N bỏ đi cho đến nay không có liên lạc về hỏi thăm chị và con. Gia đình hai bên nhiều lần hòa giải, chị cũng đã cố gắng liên lạc, động viên anh Trương Sơn N trở về nhưng không được.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ để có ý kiến đối với yêu cầu của chị D xin ly hôn anh và yêu cầu được quyền nuôi con chung, nhưng anh N không đến Tòa án để thực hiện quyền của mình, điều này thể hiện anh N không quan tâm đến việc chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Qua xác minh tại thôn Pleiku Roh, phường Y, thành phố P thì trước đây chị D, anh N có sinh sống tại địa chỉ này là nhà mẹ của anh N là bà Nguyễn Thị S, nhưng nay chị D đã chuyển đi nơi khác sinh sống, giữa chị và anh N không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Sơn N. Do đó, Tòa án có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Trương Sơn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài , mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D với bị đơn anh Trương Sơn N là có cơ sở.

[5] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anhTrương Sơn N có 01 con chung là cháu Trương Nguyễn Anh T, sinh ngày 03-6-2015. Ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Do anh N vắng mặt không tham gia tố tụng nên không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng việc nuôi con chung. Xét thấy, cháu Trương Nguyễn Anh T ở với chị Dung và được chị D chăm sóc, nuôi dạy chu đáo, chị D có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nhất là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần, vì cháu T mới hơn 36 tháng tuổi còn quá nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi cháu T của chị D và giao cháu Trương Nguyễn Anh T cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị D không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc chị D không yêu cầu là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ D ly hôn anhTrương Sơn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trương Nguyễn Anh T, sinh ngày 03-6-2015 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0004450 ngày 02-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Mỹ D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Yên Đỗ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Công Tồn